

Luật số:/2026/QH16

DỰ THẢO NGÀY 02/9/2026

LUẬT
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA
LUẬT PHÒNG, CHỐNG TÁC HẠI CỦA THUỐC LÁ

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá số 09/2012/QH13.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá:

1. Sửa đổi khoản 1, bổ sung các khoản 1a, 1b, 1c, 1d và 1đ vào sau khoản 1, bổ sung khoản 10, khoản 11 vào Điều 2 như sau:

“1. *Thuốc lá* là sản phẩm được sản xuất từ toàn bộ hoặc một phần nguyên liệu thuốc lá hoặc có chứa dung dịch thuốc lá điện tử hoặc thuốc lá đặc chế có chứa nguyên liệu chứa nicotine, được chế biến dưới dạng thuốc lá điều, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lá, thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng và thuốc lá khác.

1a. *Thuốc lá điện tử* là sản phẩm đồng bộ, hoàn chỉnh bao gồm thiết bị điện tử, bộ phận chứa dung dịch thuốc lá điện tử và dung dịch thuốc lá điện tử, trong đó:

a) Thiết bị điện tử được sử dụng để làm nóng dung dịch thuốc lá điện tử hoặc cách thức khác nhằm tạo ra khí hơi cho người dùng hít vào;

b) Bộ phận chứa dung dịch thuốc lá điện tử được thiết kế để dùng một lần (không tái nạp dung dịch) hoặc để dùng nhiều lần (tái nạp dung dịch);

c) Dung dịch thuốc lá điện tử là hỗn hợp chất lỏng chứa dung môi tạo hơi, có hoặc không chứa nicotine, có thể có một hoặc các chất: phụ gia, hương vị và hóa chất khác với mục đích sử dụng cho thuốc lá điện tử hoặc thuốc lá nung nóng. Dung dịch có nicotine bao gồm bất kỳ dạng hóa chất nicotine nào, kể cả muối hoặc hợp chất, bất kể được chiết xuất tự nhiên hay tổng hợp và bao gồm cả nicotinic alkaloid.

1b. *Thuốc lá nung nóng* là sản phẩm đồng bộ, hoàn chỉnh bao gồm thiết bị điện tử và thuốc lá đặc chế, trong đó:

a) Thiết bị điện tử để làm nóng trực tiếp thuốc lá đặc chế có hình dạng điều thuốc lá;

b) Thiết bị điện tử có buồng chứa để nung nóng thuốc lá đặc chế trong buồng chứa đó;

c) Thiết bị điện tử có buồng chứa dung dịch thuốc lá điện tử quy định tại điểm c khoản 1 Điều này và thuốc lá đặc chế quy định tại khoản 1d Điều này. Thiết bị hoạt động theo cơ chế hóa hơi dung dịch thuốc lá điện tử trước và sau đó làm nóng gián tiếp thuốc lá đặc chế;

d) Thiết bị điện hóa hơi cá nhân khác có tính năng làm nóng thuốc lá đặc chế mà không đốt cháy.

1c. *Thiết bị điện tử* bao gồm thiết bị điện tử dùng cho thuốc lá điện tử, thiết bị điện tử dùng cho thuốc lá nung nóng hoặc các thiết bị điện hóa hơi cá nhân tương tự.

1d. *Thuốc lá đặc chế* là thuốc lá hoặc nguyên liệu chứa nicotine khác được sản xuất để chuyên sử dụng cho thiết bị thuốc lá nung nóng có hình dạng điều thuốc lá hoặc các hình dạng khác.

1đ. *Thuốc lá khác* là sản phẩm có chứa nicotine bao gồm cả nicotine dạng túi để ngậm, dạng hít, shisha và các sản phẩm chứa nicotine khác, trừ thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lá, thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng, thuốc dùng cho người hoặc các sản phẩm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt dùng để cai nghiện thuốc lá, sản phẩm sử dụng trong nghiên cứu khoa học và các mục đích được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

10. *Trung bày thuốc lá* là việc bố trí sản phẩm thuốc lá, bao bì thuốc lá, hình ảnh sản phẩm thuốc lá hoặc các hình thức để nhận diện nhãn hiệu thuốc lá tại địa điểm bán buôn, bán lẻ thuốc lá dưới bất kỳ hình thức nào để người tiêu dùng nhìn thấy.

11. *Tiếp thị thuốc lá trực tiếp tới người tiêu dùng* là việc tổ chức, cá nhân chủ động tiếp cận người tiêu dùng bằng lời nói, hành động, tài liệu, sản phẩm hoặc phương tiện liên lạc để giới thiệu, chào mời, tư vấn hoặc cung cấp thông tin về thuốc lá nhằm thúc đẩy việc mua hoặc sử dụng thuốc lá.

2. Sửa đổi khoản 4 Điều 3 như sau:

“4. Bảo đảm quyền của mọi người, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em, người dân tộc thiểu số và các đối tượng dễ bị tổn thương được sống, làm việc trong môi trường không có khói thuốc lá; được thông tin đầy đủ về tác hại của thuốc lá, bao gồm cả các thông tin bằng tiếng dân tộc với nội dung và hình thức phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số.”.

3. Bổ sung khoản 5 vào Điều 5 như sau:

“5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá và tổ chức thực hiện các văn bản này phải bảo đảm công khai, minh bạch, không bị chi phối bởi lợi ích thương mại và lợi ích khác của ngành công nghiệp thuốc lá, bảo đảm lợi ích sức khỏe cộng đồng được đặt lên hàng đầu.”.

4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 9 như sau:

a) Bổ sung khoản 1a, 1b và 1c vào sau khoản 1 như sau:

“1a. Sản xuất, kinh doanh, tàng trữ, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, chứa chấp, sử dụng thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng và thuốc lá khác.

1b. Sản xuất, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị điện tử, cụm linh kiện, linh kiện (bộ phận) rời, dung dịch để lắp ráp, sản xuất thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng, thuốc lá khác theo danh mục do Chính phủ quy định, trừ trường hợp theo quy định tại khoản 16 Điều 52 Luật Đầu tư.

1c. Quy định khoản 1a, 1b Điều này không áp dụng đối với việc sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học, thử nghiệm, kiểm nghiệm, giám định theo quy định của pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Chính phủ quy định chi tiết khoản này.”

b) Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:

“2a. Trưng bày thuốc lá”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Bán thuốc lá bằng máy bán hàng tự động, bán thuốc trên không gian mạng, nền tảng thương mại điện tử, mạng xã hội, nền tảng số hoặc phương thức giao dịch điện tử khác; hút, bán thuốc lá tại địa điểm có quy định cấm hút, bán thuốc lá.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

1. Tổ chức, cá nhân mua bán, chế biến, nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá; sản xuất, nhập khẩu thuốc lá phải có giấy phép do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp trừ nhập khẩu thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế.

2. Chính phủ quy định cụ thể việc cấp giấy phép mua bán, chế biến, nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá; sản xuất, nhập khẩu thuốc lá quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 21 như sau:

“4. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp, hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp được sử dụng cho sản phẩm thuốc lá gồm thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lá chỉ được thực hiện tại doanh nghiệp đã có giấy phép sản xuất thuốc lá sau khi được Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực công thương đồng ý bằng văn bản.”

7. Sửa đổi điểm c, điểm d khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 22 như sau:

“c) Quản lý máy, thiết bị chuyên ngành thuốc lá;”

“d) Quản lý nguyên liệu thuốc lá.”

“2. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực công thương công bố công khai sản lượng được phép sản xuất và nhập khẩu thuốc lá để tiêu thụ trong nước của từng doanh nghiệp phù hợp với nhu cầu của thị trường.”

“3. Chính phủ quy định cụ thể biện pháp quản lý máy, thiết bị chuyên ngành thuốc lá và nguyên liệu thuốc lá.”.

8. Bổ sung Điều 23a như sau:

“Điều 23a. Tiêu chuẩn đối với xì gà, thuốc lá sợi, thuốc láo

1. Cơ sở sản xuất xì gà, thuốc lá sợi, thuốc láo phải xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở đối với sản phẩm do cơ sở sản xuất. Xì gà, thuốc lá sợi, thuốc láo nhập khẩu phải công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Việc công bố tiêu chuẩn cơ sở thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

“Điều 25. Bán thuốc lá

1. Cơ sở bán buôn, bán lẻ thuốc lá phải treo biển thông báo không bán thuốc lá cho người chưa đủ 18 tuổi, thực hiện kiểm tra căn cước hoặc ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc hộ chiếu đối với trường hợp có nghi ngờ người dưới 18 tuổi mua thuốc lá.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được tổ chức, cho phép hoặc bán thuốc lá tại các địa điểm quy định tại Điều 11, Điều 12, trừ điểm a khoản 1 Điều 12 của Luật này; không được bán thuốc lá phía ngoài cổng cơ sở giáo dục, cơ sở y tế trong phạm vi 100 mét (m) tính từ ranh giới khuôn viên gần nhất của cơ sở đó.

3. Chính phủ quy định cụ thể về việc bán thuốc lá tại Điều này.”

10. Sửa đổi, bổ sung một số cụm từ như sau:

a) Sửa cụm từ “Bộ Y tế” thành cụm từ “Cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực y tế” tại khoản 2, khoản 3 Điều 5, điểm a khoản 3 Điều 10, khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 32;

b) Sửa cụm từ “Bộ Thông tin và Truyền thông” thành cụm từ “Cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực thông tin và truyền thông” tại điểm b khoản 3 Điều 10;

c) Sửa cụm từ “ Bộ trưởng Bộ Y tế” thành cụm từ “Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực y tế” tại khoản 6 Điều 15, khoản 3 Điều 23;

d) Sửa cụm từ “Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch” thành cụm từ “Cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hoá, thể thao và du lịch” tại điểm c khoản 3 Điều 10;

đ) Sửa cụm từ “Bộ Công Thương” thành cụm từ “Cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực công thương” tại điểm d khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 20, khoản 4 Điều 32;

e) Sửa cụm từ “Bộ Giáo dục và Đào tạo” thành cụm từ “Cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo” tại điểm đ khoản 3 Điều 10;

g) Sửa cụm từ “Bộ trưởng Bộ Công Thương” thành cụm từ “Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực công thương” tại khoản 6 Điều 15, khoản 5, khoản 2 Điều 22;

h) Sửa cụm từ “Bộ Công an” thành cụm từ “Cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực an ninh, trật tự” tại khoản 3 Điều 32;

i) Sửa cụm từ “Bộ trưởng Bộ Tài chính” thành cụm từ “Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực tài chính” tại khoản 2 Điều 19, khoản 3 Điều 27;

k) Sửa cụm từ “Bộ Quốc phòng” thành cụm từ “Cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực quốc phòng” tại khoản 5 Điều 32;

l) Sửa các cụm từ: “Bộ trưởng Bộ Công Thương” thành cụm từ “Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực công thương”, “Bộ trưởng Bộ Tài chính” thành cụm từ “Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực tài chính”, “Bộ trưởng Bộ Công an” thành cụm từ “Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực an ninh, trật tự”, “Bộ trưởng Bộ Quốc phòng” thành cụm từ “Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực quốc phòng”, “ Bộ trưởng Bộ Y tế” thành cụm từ “Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực y tế” tại khoản 1 Điều 27;

11. Bãi bỏ cụm từ “thanh tra” tại điểm e khoản 2 Điều 5; Bãi bỏ cụm từ “trừ các cơ sở quy định tại điểm b khoản 2 Điều này” tại điểm b Khoản 1 Điều 11; bỏ cụm từ “Trường cao đẳng, đại học, học viện” tại điểm b khoản 2 Điều 11.

12. Bãi bỏ khoản 2, khoản 4 Điều 17; khoản 6 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 25.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2027.

2. Quy định tại khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 12 Điều 1 Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

3. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại Luật liên quan đến phòng, chống tác hại của thuốc lá như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm 1 khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 như sau: “Kinh doanh thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng, thuốc lá khác”.

b) Sửa đổi, bổ sung số thứ tự số 43 Phụ lục IV. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 như sau:

“43. Kinh doanh sản phẩm thuốc lá, nguyên liệu thuốc lá, máy móc, thiết bị thuộc chuyên ngành thuốc lá, trừ thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng, thuốc lá khác”.

c) Bãi bỏ nội dung “cai nghiện thuốc lá” tại số thứ tự số 60 Phụ lục IV. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật Đầu tư số 143/2025/QH15.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Quy định đại lý bán lẻ, điểm bán lẻ thuốc lá không được trưng bày quá một bao, một tút hoặc một hộp của một nhãn hiệu thuốc lá tại Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá số 09/2012/QH13 được tiếp tục thực hiện trong vòng 6 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

2. Quy định cơ sở sản xuất xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lá phải xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở đối với sản phẩm do cơ sở sản xuất; Xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lá nhập khẩu phải công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 1 năm 2028.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ hai thông qua ngày tháng năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI